

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 111/2021/HSPT

Ngày: 23/3/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị E2;

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Xuân Trọng; Ông Nguyễn Tất Nam

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Trung Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 643/TL-PT ngày 19 tháng 8 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 236/2020/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**\* Bị cáo có kháng cáo:** Q, sinh năm: 1976; giới tính: Nam; ĐKNKTT và nơi ở: Phòng 507, CT8, tổ 40, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Hoàng Đình Trung (đã chết), con bà: Lê Thị Thạc; vợ: Trần Thị Thanh Huyền có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; danh chỉ bản số 000000491 ngày 12/8/2019 tại trại tạm giam số 1 công an thành phố Hà Nội; tạm giữ, tạm giam ngày 09/8/2019, hủy bỏ tạm giam 05/11/2019; Có mặt.

**\* Bị cáo không kháng cáo:**

**1. L**, sinh năm: 1990; giới tính: Nữ; ĐKNKTT và nơi ở: Đội 4, thôn L4, xã L1, huyện L2, tỉnh L3; bị cáo tại ngoại; Có mặt.

**2. T**, sinh năm: 1987; giới tính: Nam; ĐKNKTT và nơi ở: Đội 4, thôn L4, xã L1, huyện L2, tỉnh L3; Có mặt.

**\* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan kháng cáo:** Anh X, sinh năm 1977; chị X1, sinh năm 1978; cùng trú tại: Số nhà 13, liền kề 17, khu đô thị L7, phường L5, quận L6, thành phố Hà Nội; đều có mặt.

**\* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:**

1) Ông M sinh năm 1958; trú tại: Thôn M1, xã M2, huyện M3, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2) Anh C, sinh năm 1965; ĐKNKTT: Số 3 tổ 7, đường C1, phường C2, quận C3, thành phố Hà Nội; nơi ở: Số 86 C4, phường Q2, quận C5, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3) Chị Đ, sinh năm 1973; trú tại: P1003 tòa nhà 29T2 đường Đ1, phường Đ2, quận Đ3, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

4) Anh E, sinh năm 1963; chị Ê, sinh năm 1973; cùng trú tại: P12 A07, nhà 17T8 Đ2, phường E1, quận E2, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

5) Chị Y, sinh năm 1981; anh Y1, sinh năm 1982; cùng trú tại: Nhà 12A, khu đô thị Y2, phường Y3, quận L6, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2019, Q gặp và biết L không có nghề nghiệp, phải bán trứng (noãn) cho Bệnh viện để lấy tiền, Q đã nảy sinh ý định tìm những người hiếm muộn con có nhu cầu để người khác mang thai hộ cho họ nhằm thu lời bất chính, nên bàn bạc rủ L cùng tham gia. Cả hai thống nhất L là người có trách nhiệm tìm người mang thai hộ, mỗi trường hợp nhận mang thai hộ sẽ được Q trả cho L từ 290.000.000 đồng đến 310.000.000 đồng; ngoài ra toàn bộ chi phí tiền khám, xét nghiệm, cấy phôi do Q chi trả. Hàng ngày, Q sẽ đến các Bệnh viện Đa khoa 16A L6, Bệnh viện Bưu Điện, Bệnh viện Nam học và Hiếm muộn Hà Nội để làm quen với những người có nhu cầu nhờ mang thai hộ. Q trực tiếp thỏa thuận chi phí với người có nhu cầu nhờ mang thai hộ giá từ 400.000.000 đồng đến 550.000.000 đồng tùy từng trường hợp, nếu mang thai đôi thì người nhờ mang thai hộ phải trả thêm từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng và họ phải thanh toán trước một khoản tiền. Sau đó, Q yêu cầu những người nhờ mang thai hộ cung cấp tinh trùng (nếu chưa làm thụ tinh nhân tạo để thành phôi) hoặc những gia đình có sẵn phôi (được thụ tinh nhân tạo) đưa cho Q để chuyển lại cho L. Còn L có trách nhiệm tìm người nhận mang thai hộ và đưa đến các Bệnh viện để làm thủ tục cấy phôi vào tử cung. Sau khi thống nhất xong với Q, L đã rủ chồng là T cùng tham gia để kiếm tiền. T cùng với L sẽ trực tiếp tuyển chọn thuê những phụ nữ có đủ điều kiện mang thai, tìm thuê địa điểm đưa những phụ nữ mang thai về nuôi dưỡng và chăm sóc. Để tuyển chọn những người phụ nữ nhận mang thai hộ, L đăng tải thông tin tìm kiếm lên trang mạng xã hội Facebook rồi trực tiếp tuyển chọn những người phụ nữ để thuê mang thai hộ với giá từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng, được nuôi ăn ở chăm sóc miễn phí. Sau khi tuyển xong, L đưa họ về nơi thuê trọ của mình tại ngõ Chùa, phường L5, quận L6, Hà Nội; sau đó cùng T đưa họ đi xét nghiệm, nuôi ăn ở và chăm sóc. Ngoài ra, L cùng Q còn

thuê X (sinh năm 1996; trú tại thôn X1, xã X2, huyện X3, tỉnh X4) và B (sinh năm 1985; trú tại tổ dân phố B1, phường B2, thành phố B3, tỉnh B4) làm người phục vụ cơm nước, chăm sóc người mang thai hộ. Q trả lương chị X 6.000.000 đồng/01 tháng và chị B 5.000.000 đồng/01 tháng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến khoảng tháng 8/2019, Q, L và T đã tổ chức 05 vụ mang thai hộ vì mục đích thương mại, cụ thể như sau:

**Vụ thứ nhất:** Ngày 15/9/2018, anh R1 (sinh năm 1992; nguyên là cán bộ Công an quận R2) bị tai nạn giao thông và bị tử vong. Trước khi anh R1 mất, gia đình ông Nguyễn Hữu M (sinh năm 1958; trú tại thôn M1, xã M2, huyện M3, Hà Nội; là bố của anh R1) đã gửi tinh trùng của anh R1 tại Bệnh viện Nam học để lưu giữ. Đến khoảng tháng 4/2019, thông qua các mối quan hệ xã hội, ông M biết và nhờ Q tìm người mang thai hộ để cấy tinh trùng của anh R1. Q thỏa thuận với ông M giá mang thai hộ là 420.000.000 đồng. Ông M đồng ý và đã đưa trước cho Q 200.000.000 đồng cùng tinh trùng của anh R1. Sau đó, Q đã chuyển tinh trùng trên cho L. Thời gian này, L cùng T đã đăng tin tìm và thuê chị R3 (sinh năm 1991; trú tại bản R4, xã R5, huyện R6, tỉnh R7) làm người mang thai hộ bằng tinh trùng của anh R1. Ngày 02/3/2019, L cùng T và Q đã đưa chị R3 đến Bệnh viện Nam học và Hiếm muộn Hà Nội để thực hiện việc cấy tinh trùng của anh R1 vào tử cung. Chị R3 được L trả trước 18.000.000 đồng. Kết quả siêu âm ngày 09/8/2019, chị R3 có 02 thai nhi trong buồng tử cung.

Qua điều tra xác định số tiền 200.000.000 đồng nhận của ông M, Q đưa cho L 65.000.000 đồng và chi phí tại Bệnh viện Nam học - Hiếm muộn hết 3.590.000 đồng, còn hưởng lợi 131.410.000 đồng. L trả trước cho chị R3 18.000.000 đồng và cùng T hưởng lợi 47.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, ông Nguyễn Hữu M khai phù hợp với lời khai của Q. Hiện ông M và gia đình tự nguyện chăm sóc chị R3. Về trách nhiệm dân sự, ông yêu cầu Q trả lại số tiền 200.000.000 đồng và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Vụ thứ hai:** Khoảng tháng 6/2019, anh C (sinh năm 1965; trú tại số nhà 78, phố C4, phường Q Trung, quận C5, Hà Nội) là người chưa kết hôn nhưng muốn có con. Qua quan hệ xã hội, anh C gặp Q nhờ tìm người mang thai hộ và Q đồng ý với mức giá 550.000.000 đồng. Q đã nhận của anh C số tiền 331.000.000 đồng. Sau đó, Q bảo L tìm người hiến trứng để thụ tinh nhân tạo. L yêu cầu ngoài chi phí ban đầu ra thì phải đưa thêm 10.000.000 đồng cho người hiến trứng, Q đồng ý. L và T tìm và thuê chị V (sinh năm 1991; trú tại xã V1, huyện V2, tỉnh V3) làm người mang thai hộ. Ngày 21/5/2019, L cùng T và Q đưa V đến Bệnh viện Đa khoa 16A L6 để hiến trứng, đồng thời làm thụ tinh nhân tạo giữa trứng của V và tinh trùng của anh C. Kết quả siêu âm ngày 09/8/2019 đối với chị V: Hình ảnh túi ối trong buồng tử cung tương đương 8 tuần +/- 1 tuần.

Qua điều tra xác định số tiền Q nhận của anh C là 331.000.000 đồng. Q đưa trước cho L 45.000.000 đồng và chi phí tại Bệnh viện đa khoa 16A L6 hết 55.460.000 đồng, Q hưởng lợi 230.540.000 đồng. V đã được L trả trước 10.000.000 đồng. Còn L và T hưởng lợi 35.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, anh C khai phù hợp với lời khai của Q. Hiện anh C tự nguyện chăm sóc V. Anh C không yêu cầu Q trả lại tiền nhưng đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Vụ thứ ba:** Tương tự như các vụ trước, khoảng tháng 7/2019, Q, L và T tổ chức mang thai hộ cho vợ chồng chị X1 (sinh năm 1978) và anh X (sinh năm 1977) đều trú tại số nhà 13, liên kè 17, khu đô thị L7, phường L5, quận L6, Hà Nội. Q đã nhận “phôi” của chị X1 và anh X đã lưu trữ tại Bệnh viện phụ sản Hà Nội và số tiền 541.700.000 đồng. Sau đó, Q chuyển phôi lại cho L để L và T thuê chị V7 (sinh năm 1986; trú tại thôn V8, xã V9, huyện V10, tỉnh X4) làm người mang thai hộ. Ngày 05/7/2019, L cùng T và Q đưa chị V7 đến Bệnh viện Nam học và Hiếm muộn Hà Nội tiến hành cấy phôi vào tử cung chị V7, chị V7 chưa được L và T trả tiền. Kết quả siêu âm ngày 09/8/2019 đối với chị V7: Hình ảnh túi ối âm nghi ngờ túi thai trong buồng tử cung <5 tuần.

Qua điều tra xác định số tiền 541.000.000 đồng nhận của vợ chồng anh X, Q trả cho L 40.000.000 đồng và chi phí tại Bệnh viện Nam học - Hiếm muộn hết 79.145.000 đồng, hưởng lợi 421.855.000 đồng. Còn L và T được hưởng lợi 40.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, chị X1 và anh X khai nhận phù hợp với lời khai của Q. Anh X và chị X1 chỉ gặp và biết Q nhưng không gặp và không biết chị V7. Khi vụ việc bị phát hiện, anh X và chị X1 tìm hiểu và gặp được chị V7 thì biết chị V7 mang thai hộ cho vợ chồng anh chị đã bị hòng. Hiện anh X và chị X1 yêu cầu Q trả lại số tiền 541.000.000 đồng và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Vụ thứ tư:** Khoảng tháng 7 - 8/2019, Q cùng L và T nhận tổ chức mang thai hộ cho chị Đ (sinh năm 1973; trú tại Phòng 1003, tòa nhà 29T2, đường Đ1, phường Đ2, quận Đ3, Hà Nội) với giá 360.000.000 đồng. Q đã nhận trước của chị Đ “phôi” và 175.000.000 đồng rồi chuyển lại “phôi” cho L. L và T thuê chị B (sinh năm 1991; trú tại số nhà 27, ngõ 12, đường Dương Q, phường Tứ Minh, thành phố L3, tỉnh L3) mang thai hộ. Ngày 20/6/2019, L cùng T và Q đưa chị B đến Bệnh viện Nam học - Hiếm muộn để cấy phôi. Kết quả siêu âm ngày 09/8/2019 đối với chị B: Hiện tại không thấy hình ảnh bất thường trên siêu âm tử cung - phần phụ.

Qua điều tra xác định số tiền 175.000.000 đồng nhận của chị Đ, Q đưa cho L 20.000.000 đồng và chi phí tại Bệnh viện Nam học - Hiếm muộn hết 86.025.000 đồng, còn hưởng lợi 68.975.000 đồng. L và T chưa đưa tiền cho chị B mà chiếm, hưởng lợi 20.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, chị Đ khai nhận phù hợp với lời khai của Q; đến nay Q vẫn chưa nhờ được người mang thai hộ cho chị Đ. Hiện chị Đ yêu cầu Q trả lại số tiền 175.000.000 đồng và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Vụ thứ năm:** Khoảng 7 - 8/2019, Q nhận tổ chức mang thai hộ cho vợ chồng anh E (sinh năm 1963) và chị Ê (sinh năm 1973) đều trú tại P12A07, nhà 17T8 Đ2, phường E1, quận E2, Hà Nội với giá thỏa thuận là 600.000.000 đồng. Q đã nhận của vợ chồng anh E, chị Ê số tiền 557.000.000 đồng và thông báo lại cho L để tìm người nhận mang thai hộ. L và T đã tìm, thuê chị Nguyễn Thị Hồng X1 (sinh năm 1999; trú tại thôn B3, xã B4, huyện B5, tỉnh B6) mang thai hộ. Q đã hướng dẫn anh E 03 lần lấy mẫu tinh trùng rồi giao cho L tại cổng Bệnh viện Nam học - Hiếm muộn. Tuy nhiên, việc Q, L và T chưa thực hiện được các bước tiếp theo thì bị cơ quan Công an phát hiện, bắt giữ.

Qua điều tra xác định Q đã chi phí cho chị X1 khám tại Bệnh viện Nam học - Hiếm muộn hết 81.554.000 đồng. Q đã trả lại cho vợ chồng anh E - chị Ê 100.000.000 đồng, còn hưởng lợi 375.446.000 đồng. L và T chưa được Q chia hưởng lợi gì.

Tại Cơ quan điều tra, anh E và chị Ê khai nhận phù hợp với lời khai của anh E và chị Ê yêu cầu Q trả lại tiền và đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**Vụ thứ sáu:** Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội còn đấu tranh làm rõ ngoài 05 lần tổ chức mang thai hộ nêu trên, L còn 01 lần thực hiện tội phạm, cụ thể như sau: Chị Y (sinh năm 1981; trú tại khu đô thị Y2, phường Y3, quận L6, Hà Nội) là người hiếm muộn, chưa có con. Thông qua quan hệ xã hội, chị Y biết L nhận tìm người mang thai hộ. Chị Y đã liên hệ gặp và nhờ L tìm hộ người cấy phôi của chị Y để mang thai hộ. L đồng ý và thỏa thuận giá là 280.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận với chị Y, L đã tìm và thuê chị Ô (sinh năm 1988; trú tại thôn Ô1, xã Ô2, huyện Ô3, tỉnh Ô4) mang thai hộ cho chị Y với giá thỏa thuận là 200.000.000 đồng. Ngày 07/3/2019, L nhận của chị Y phôi và số tiền 110.000.000 đồng. Ngày 09/3/2019, L đưa chị B đến Bệnh viện Nam học và Hiếm muộn Hà Nội để cấy phôi do chị Y đưa vào tử cung của chị B. Cấy xong, L trả trước cho chị B 25.000.000 đồng và chi phí tại Bệnh viện Nam học Hiếm muộn hết 37.934.000 đồng, L hưởng lợi 47.066.000 đồng. Kết quả siêu âm ngày 09/8/2019, chị Ô có 02 thai nhi trong buồng tử cung. Đến tháng 10/2019, chị B sinh non và hiện chị Y tự nguyện chăm sóc chị B và hai cháu bé.

Tại bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bố: Q phạm tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại”.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 điều 187; điểm b,s khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Q 24** (hai bốn) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 09/8/2019 đến 05/11/2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác; trách nhiệm dân sự; án phí; xử lý vật chứng; thông báo quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Anh X kháng cáo đề nghị xử lý nghiêm đối với bị cáo Q và yêu cầu bồi thường thêm số tiền 144.000.000 đồng đã chuyển cho bị cáo Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên sau khi xét xử chưa có điều kiện bồi thường cho gia đình anh X, nay anh X yêu cầu thêm số tiền 144.000.000 đồng bị cáo chấp nhận và xin được bồi thường trước 50.000.000 đồng, mong được Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng khoan hồng.

Anh X và chị X1 trình bày: Mặc dù rất bức xúc vì sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Q trốn tránh nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh; tuy nhiên sau khi nghe bị cáo trình bày, anh chị đề nghị giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm 144.000.000 đồng nữa. xác nhận bị cáo bồi thường 50.000.000 đồng tại phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:*

Sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 355 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo thừa nhận đã nhận từ anh X số tiền 144.000.000 đồng và đồng ý bồi thường, tuy nhiên người bị hại rút kháng cáo nên có căn cứ để đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh X; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng cản trở cho bị cáo số tiền đã bồi thường trực tiếp tại phiên tòa.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Q khai nhận đã chủ động bàn bạc với L tổ chức mang thai hộ để thu lời bất chính. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 8/2019, Q, L và T đã nhận tiền và tổ chức mang thai hộ cho vợ chồng chị X1, anh X và 04 gia đình khác. Tổng số tiền do Q được hưởng lợi là 1.228.226.000 đồng; L và T hưởng lợi số tiền 189.066.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai các đồng phạm, người có quyền và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra; vì vậy Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại” theo điểm b khoản 2 điều 187 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo đã lợi dụng chính sách của Nhà nước về việc cho người mang thai hộ vì mục đích nhân đạo để thực hiện hành vi phạm tội nhằm hưởng lợi bất chính. Hành vi đó đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước trong việc áp dụng kỹ thuật sinh sản nhằm bảo vệ tính nhân đạo của các quy định cho phép mang thai hộ; gây mất trật tự trị an xã hội nên việc xử lý nghiêm là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[2] Xét kháng cáo về hình phạt của bị cáo Q: Trong vụ án này, Q là người chủ mưu, rủ rê L cùng tham gia; nhiều lần trực tiếp liên hệ với những người có nhu cầu mang thai hộ và thu lợi nên việc cấp sơ thẩm xác định vai trò chính đối với bị cáo là đúng; theo đó mức hình phạt đối với bị cáo cần nghiêm khắc hơn so với đồng phạm khác. Mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có ý thức bồi thường cho gia đình anh X 50.000.000 đồng nhưng mức án đã áp dụng là phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt của Q.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Anh X trình bày vợ chồng anh (X và X1) đã đưa cho Q 541.700.000 đồng nhưng thực tế số tiền đã đưa cho Q là 685.000.000 đồng. Còn thiếu số tiền 144.000.000 anh đã chuyển cho Q vào ngày 16/7/2019 tại ngân hàng Viettinbank chưa được cấp sơ thẩm xem xét buộc bị cáo bồi thường vì vậy anh kháng cáo yêu cầu bị cáo Q phải hoàn trả thêm số tiền trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Q bồi thường cho anh X và chị X1 số tiền 50.000.000 đồng và thừa nhận đã nhận số tiền 144.000.000 đồng như anh X trình bày. Sau khi nghe bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng anh X không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 144.000.000 đồng nữa, đồng ý giữ nguyên phần quyết định về trách nhiệm dân sự như bản án sơ thẩm đã tuyên, ghi nhận việc Q bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo Q còn phải bồi thường tiếp 451.700.000 (bốn trăm năm một triệu, bảy trăm nghìn) đồng.

Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo tự nguyện rút yêu cầu bồi thường thêm 144.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ nội dung kháng cáo nói trên.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bồi thường thêm số tiền 50.000.000 đồng nên cần điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu 43.911.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị; Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 342; Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Không chấp nhận kháng cáo về việc xin giảm hình phạt của bị cáo Q; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh X về việc yêu cầu bồi thường đối với số tiền 144.000.000 đồng.

[2] Áp dụng: Điểm b khoản 2 điều 187; điểm b,s khoản 1 khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự, Xử phạt: **Q** 24 (Hai bốn) tháng tù về “Tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 09/8/2019 đến 05/11/2019.

[3] Áp dụng điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015; điều 106, điều 136, điều 331, điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Buộc Q phải trả cho anh X và chị X1 số tiền 451.700.000 (bốn trăm năm một triệu, bảy trăm nghìn) đồng.

L và T phải trả anh X và chị X1 số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, chia kỹ phần mỗi bị cáo 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Buộc Q phải trả cho chị Đ số tiền 155.000.000 (một trăm năm lăm triệu) đồng.

- Buộc Q phải trả anh E và chị Ê số tiền 457.000.000 (bốn trăm năm bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Bị cáo Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và phải chịu 43.911.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.



**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam CA thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua trại);
- Người bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HS, TACC tại Hà Nội.

**Nguyễn Thị E2**